|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TÂN HỒNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH PHÚ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: 196/KH-THBP | *Tân Hồng, ngày 28 tháng 8 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**NĂM HỌC 2023 - 2024**

**I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

- Hướng dẫn số 1234/HD-PGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, TH-THCS và THCS;

- Hướng dẫn số 1254/HD-PGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng GDĐT huyện Tân Hồng về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học huyện Tân Hồng năm học 2023-2024;

- Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025;

- Nghị quyết Chi bộ nhà trường nhiệm kỳ 2022-2025.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ nhà trường năm học 2022-2023 và tình hình thực tế của nhà trường. Trường tiểu học Bình Phú xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

**II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

*1.1. Thời cơ*

- Được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo của Phòng GDĐT huyện Tân Hồng; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã Bình Phú.

- Trường Tiểu học Bình Phú thuộc xã Bình Phú, là một xã vùng sâu biên giới. Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa, chăn nuôi trâu bò và thủy sản. Đời sống người dân ổn định.

- Trường có 2 điểm, điều kiện đi lại của người dân thuận tiện, nhất là điều kiện đi lại từ nhà đến trường, đường sá được bê tông hóa.

- Phong trào xây dựng xã hội học tập luôn được địa phương quan tâm và được cấp trên kiểm tra công nhận hàng năm. Xã Bình Phú đạt xã nông thôn mới năm 2021 nên được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trong đó tập trung công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Điều kiện cho con em đến trường được cha mẹ học sinh quan tâm.

- Đơn vị có sự đồng hành, của các ban ngành, đoàn thể địa phương, ban nhân dân các ấp, đặc biệt là việc phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp và luôn có sự quan tâm chăm lo của toàn thể cha mẹ học sinh, quý mạnh thường quân, các nhà hảo tâm rất tích cực đóng góp tài trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường, tặng quà, học bổng... cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

*1.2. Thách thức*

- Địa bàn các tuyến thuộc khu vực tuyển sinh và huy động học sinh ra lớp được phân bổ cho đơn vị rất rộng, tiếp giáp với nhiều địa phương trong huyện (gồm: xã Tân Hộ Cơ, xã Tân Công Chí, Thị trấn Sa Rài). Ngoài ra trên địa bàn cũng có nhiều gia đình học sinh định cư ở địa phương không ổn định nên có nhiều học sinh chuyển đi, chuyển đến ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì sĩ số học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Địa bàn xã, huyện nơi các em sinh sống hầu như không có danh lam thắng cảnh gì nổi tiếng, không có nhiều di tích lịch sử, nghệ thuật truyền thống, không có làng nghề gì nổi bật… nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh gặp không ít khó khăn.

- Một số cha mẹ học sinh đi làm ăn xa, phải gửi con cho ông bà, ngoài chăm sóc và cho đi học cho nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc quan tâm chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023 - 2024**

**- Thuận lợi:**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình và đầy trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. Tỉ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện đạt cao. Đa số GV đạt chuẩn trình độ. GV luôn nhiệt tình trong công tác. Đa số học sinh lớp 1 đều đã qua mẫu giáo.

Trường tổ chức 100% HS học 2 buổi/ ngày.

**- Khó khăn:**

Một vài GV lớn tuổi nên việc tiếp cận CNTT và đổi mới phương pháp còn chậm.

Chất lượng giáo dục có sự chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa thật bền vững vẫn còn học sinh còn hạn chế một số nội dung kiến thức, kĩ năng, học sinh có nguy cơ bỏ học.

*2.1. Đặc điểm học sinh của trường*

a) Số liệu

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Số lớp** | **Học sinh** | | **Tỉ lệ HS/**  **lớp** | **Số HS khuyết tật** | **Hộ nghèo,**  **cận nghèo; GĐ chính sách** | **HS học 2 buổi/**  **ngày** | **HS bán trú** |
| **Tổng số** | **Nữ** |
| Một | 4 | 77 | 40 | 19 | 0 | 25 | 77 | 0 |
| Hai | 4 | 89 | 47 | 22 | 0 | 24 | 89 | 0 |
| Ba | 4 | 90 | 42 | 23 | 0 | 20 | 90 | 0 |
| Bốn | 4 | 96 | 39 | 24 | 2 | 32 | 96 | 0 |
| Năm | 4 | 90 | 40 | 23 | 1 | 30 | 90 | 0 |
| **Cộng** | **20** | **442** | **208** | **22** | **3** | **131** | **442** | **0** |

b) Nhận xét

Tổng số học sinh toàn trường là 442 em, trong đó có 208 học sinh nữ chiếm tỉ lệ 47,06%, so với năm học trước số học sinh giảm 44 em. Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi chiếm 405/442 em chiếm tỉ lệ 91,63%. Năm học này trường thực hiện 100% học sinh học 2 buổi/ngày. Do nhu cha mẹ học sinh không có nhu cầu nên trường không triển khai thực hiện bán trú cho học sinh.

Năm học 2022 - 2023: Tổng số học sinh xét hoàn thành chương trình lớp học là 486/486 tỉ lệ 100%, Số học sinh Chưa hoàn thành chương trình lớp học 00/486 chiếm tỉ lệ 0,00%, Tổng số học sinh xét Hoàn thành chương trình tiểu học là 117/117, tỉ lệ 100%. Có 37 học sinh năng khiếu tham gia các phong trào hội thi,… đạt cấp huyện, cấp tỉnh.

*2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên (GV), nhân viên (NV), cán bộ quản lý (CBQL)*

**a) Số liệu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đội ngũ** | **Tổng số** | **Nữ** | **Trình độ đào tạo** | | | | | | | |
| **Thạc sỹ** | | **Đại học** | | **Cao đẳng** | | **Dưới CĐ** | |
| ***SL*** | ***TL*** | ***SL*** | ***TL*** | ***SL*** | ***TL*** | ***SL*** | ***TL*** |
| 1 | CBQL | **2** | 0 | 0 | 0 | 2 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | GV tiểu học | **21** | 10 | 1 | 4,76 | 20 | 95,24 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | GV dạy chuyên | **7** | 3 | 0 | 0 | 7 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | GV TPT Đội | **1** | 1 | 0 | 0 | 1 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Nhân viên | **6** | 3 | 0 | 0 | 2 | 33,33 | 0 | 0 | 4 | 66,67 |
| **Cộng** | | **37** | **17** | **1** | **2,7** | **32** | **86,49** | **0** | **0** | **4** | **10,81** |

Tỉ lệ giáo viên/lớp: 28/20 (1,4 GV/lớp).

**b) Nhận xét**

Tổng số cán bộ quản lý của trường gồm 2 đồng chí đều có trình độ Đại học và Trung cấp chính trị, đã qua Bồi dưỡng cán bộ quản lý. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có kinh nghiệm nhiều năm làm quản lý trường học, có năng lực tốt, linh hoạt, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

Tổng số giáo viên của trường là 28 giáo viên, có 28/28 giáo viên (chiếm tỉ lệ 100 %) đạt trình độ Đại học trở lên (có 1 giáo viên có trình độ thạc sĩ). Có 4/28 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh (tỉ lệ 14,29%); giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Huyện có 25/28 (chiếm tỉ lệ 89,29%). Trường có đầy đủ các giáo viên chuyên được đào tạo chính quy để giảng dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất, Tin học thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học một cách chủ động và hiệu quả. Tập thể giáo viên có tuổi nghề cao, đa số đều năng nổ, tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường đủ về số lượng (01 kế toán, 01 văn thư, 01 Y tế học đường kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 thư viện - thiết bị, 01 bảo vệ và 01 tạp vụ), Tất cả nhân viên đều đảm bảo về trình độ đào tạo, tích cực trong công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

*2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú*

a) Số liệu

- Cơ sở vật chất

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm trường** | **Số phòng** | | **Số lớp** | | **Số HS** | **Số lớp 2 buổi/ngày (số HS)** | **Số lớp bán trú** |
| **P. học** | **P. chức năng** | **Lớp đơn** | **Lớp ghép** |
| 1 | Điểm chính | 16 | 14 | 10 | 0 | 257 | 257 | 0 |
| 2 | Điểm lẽ 1 | 10 | 4 | 10 | 0 | 185 | 185 | 0 |
| **Cộng** | | **26** | **18** | **20** | **0** | **442** | **442** | **0** |

- Thiết bị dạy học

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị dạy học (môn/khối lớp)** | **SL hiện có** | **Đủ** | **Thiếu** | **Ghi chú** |
| 1 | Khối lớp 1 | 4 | X |  |  |
| 2 | Khối lớp 2 | 4 | X |  |  |
| 3 | Khối lớp 3 | 2 |  | X |  |
| 4 | Khối lớp 4 | 2 |  | X |  |
| 5 | Khối lớp 5 | 2 |  | X |  |
| 6 | Ti vi màn hình lớn | 13 |  | X | Mỗi phòng học 1 chiếc |
| 7 | Phòng máy tính dạy Tin học | 40 bộ | X |  |  |
| 8 | Phòng học Tiếng Anh | 2 | X |  |  |

b) Nhận xét

Đơn vị có 2 điểm trường, Điểm Chính đóng trên địa bàn Ấp Công Tạo, Điểm lẽ đóng trên địa bàn Ấp Gò Da, cách Điểm Chính 2 km. Nhà trường có 26 phòng học đảm bảo 100 % dạy hoc 2 buổi/ngày.

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện Tiên tiến. Mỗi điểm có 01 thư viện xanh trên sân trường rất thuận tiện cho việc đọc sách của giáo viên và học sinh. Đơn vị có 01 phòng thiết bị. Số phòng chức năng của đơn vị đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học, hiện đơn vị chỉ có 02 phòng học Tiếng Anh, 02 phòng dạy học Tin học với 40 bộ máy tính..., hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy. Trường có 02 phòng Âm nhạc, Mĩ thuật có bãi tập, Có 01 sân bóng đá mi ni, 01 hồ bơi. Trường chưa có nhà đa năng.

Số thiết bị của nhà trường cơ bản đủ cho khối lớp 1 mỗi lớp có 1 bộ thiết bị dùng chung, tuy nhiên các bộ đồ dùng, thiết bị dạy học ở các khối lớp 3, 4, 5 qua nhiều năm sử dụng cũng bị hư hỏng, hao mòn cần phải sửa chữa, bổ sung thêm. Tất cả giáo viên đều khai thác, sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học sẵn có và quan tâm tự làm các thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy. Trường đã lắp đặt được 13 màng hình ti-vi cho 13 phòng học góp phần giúp giáo viên giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

*2.4. Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng tại đợn vị*

a) Đối với lớp 1, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 1 - Bộ Chân trời sáng tạo (Tiếng Việt 1-Tập 1, Tiếng Việt 1-Tập 2, Toán 1-Tập 1, Toán 1-Tập 2, Đạo đức 1, Tự nhiên và Xã hội 1 và Hoạt động trải nghiệm 1, Giáo dục thể chất 1, Âm nhạc 1, Mĩ thuật 1, Tiếng Anh 1 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

b) Đối với lớp 2, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 2 - Bộ Chân trời sáng tạo, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành, cụ thể: Tiếng Việt 2-Tập 1, Tiếng Việt 2-Tập 2, Toán 2-Tập 1, Toán 2-Tập 2, Đạo đức 2, Tự nhiên và Xã hội 2, Giáo dục thể chất 2, Âm nhạc 2, Mĩ thuật 2 và Hoạt động trải nghiệm 2, Tiếng Anh 2 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

c) Đối với lớp 3, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 3 - Bộ Chân trời sáng tạo, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành, cụ thể: Tiếng Việt 3-Tập 1, Tiếng Việt 3-Tập 2, Toán 3-Tập 1, Toán 3-Tập 2, Đạo đức 3, Tự nhiên và Xã hội 3, Giáo dục thể chất 3, Âm nhạc 3, Mĩ thuật 3 và Hoạt động trải nghiệm 3, Tin học 3, Công nghệ 3, Tiếng Anh 3 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

d) Đối với lớp 4, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 4 - Bộ Chân trời sáng tạo, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành, cụ thể: Tiếng Việt 4-Tập 1, Tiếng Việt 4-Tập 2, Toán 4-Tập 1, Toán 4-Tập 2, Đạo đức 4, Khoa học 4, Lịch sử và Địa lí 4, Giáo dục thể chất 4, Âm nhạc 4, Mĩ thuật 4 và Hoạt động trải nghiệm 4, Tin học 4, Công nghệ 4, Tiếng Anh 4 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

e) Đối với lớp 5 sử dụng bộ sách giáo khoa do Bộ GDĐT biên soạn, cụ thể:

- Lớp 5: Tiếng Việt 5-Tập 1, Tiếng Việt 5-Tập 2, Toán 5, Đạo đức 5, Khoa học 5, Lịch sử và Địa lí 5, Âm nhạc 5, Mĩ Thuật 5, Kĩ thuật 5, Tin học 5, Tiếng Anh 4 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

**3. Đánh giá chung**

**3.1. Thuận lợi**

- Năm học 2023-2024 năm học thứ tư triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường, góp phần đảm bảo kết nối hoạt động của nhà trường và gia đình, chính quyền và xã hội.

- Đảng và nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Có các chủ trương đúng đắn, phù hợp với giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Các cấp lãnh đạo đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đầy đủ,kịp thời, cụ thể.

- Trình độ dân trí cao, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và cha mẹ học sinh ngày càng cao. 85% cha mẹ học sinh đã quan tâm đến việc học của con em và tạo điều kiện thuận lọi cho con em được học tập, luôn đồng thuận và ủng hộ, đồng thuận cao với mọi kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

**3.2. Khó khăn**

**-** Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, yêu cầu đòi hỏi của xã hội và gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

**-** Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

**-** Năm học 2023-2024 là năm học tiếp theo thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

**-** Để đạt được được các mục tiêu lớn của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về CSVC, về con người nhưng cả hai nội dung này các cơ sở giáo dục đang hoàn toàn phụ thuộc vào chính quyền các cấp: xã, huyện, tỉnh.

- Các tổ chuyên môn đa phần sinh hoạt theo hướng truyền thống, chưa thật sự đi sâu vào nghiên cứu bài học.

- Thừa thiếu cục bộ giáo viên, đời sống gia đình một số giáo viên còn khó khăn. Trình độ chuyên môn chưa đồng đều.

- Năng lực tiếp thu của học sinh không đồng đều, một số ít học sinh còn ham chơi, nghiện game. Hoàn cảnh gia đình của một số em còn khó khăn, thiếu sự quan tâm của phụ đến việc học của con cái.

**-** Còn 04 giáo viên còn hạn chế về khả năng sử dụng CNTT trong dạy học nhất là sử dụng giáo án điện tử.

**-** Có 28 học sinh học sinh nghèo, chiếm tỉ 6,3 % học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ đi làm ăn xa, chưa mạnh dạn tự tin và tích cực trong học tập.

**3.3. Những yếu tố tác động từ đặc điểm địa phương đến việc tổ chức thực hiện chương trình phổ thông 2018**

- Trường được đầu tư xây dựng khá khang trang và trang bị CSVC khá đầy đủ.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh quan tâm, hỗ trợ kịp thời cho nhà trường trong việc vận động xã hội hoá giáo dục hàng năm để xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ học sinh nghèo,…

- Xã hội phát triển về mặt tích cực trong cơ chế thị trường nhưng tiềm ẩn về các tệ nạn xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc rèn luyện đạo đức; ý thức, động cơ, thái độ học tập của học sinh.

- Công nghệ thông tin phát triển tạo thuận lợi cho việc dạy và học, tuy nhiên cũng tác động không nhỏ đến việc nghiện game của một bộ phận học sinh.

- Số lượng học sinh chuyển trường sang học những nơi có điều kiện hỗ trợ tốt hơn, đây cũng là thách thức không nhỏ trong việc phát triển quy mô trường lớp trong thời gian tới đặc biệt ở điểm 2 lượng học sinh trong độ tuổi quá ít.

**3.4. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường**

- Trường  đang được đầu tư xây dựng mới, nên cơ bản chỉ đáp ứng được cơ sở vật chất, trang thiết bị,  phục vụ cho việc giảng dạy.

- Chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường; tổ chức khá tốt các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo viên giỏi... làm nền tảng phát triển vững chắc trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.

**III. Mục tiêu giáo dục năm học 2023-2024**

**1. Mục tiêu chung**

Năm học 2023-2024, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục với chủ đề năm học là ***“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”****.*

1.1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt để thực hiện kế hoạch năm học, thực hiện chuyển đổi số trong quản lí, giảng dạy và giáo dục học sinh.

1.2. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3 và lớp 4 thật sự chất lượng và hiệu quả; chuẩn bị đội ngũ nhà giáo để thực hiện chương trình đối với lớp 5 từ năm học 2023-2024. Tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006) đối với lớp 5.

Tổ chức dạy học theo hướng tiếp cận CTGDPT 2018 theo Công văn số Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018 và Công văn 3799/BGDĐT-GDTH ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

1.3. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lí và nâng cao đạo đức nhà giáo; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo; nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo cho đội ngũ nhà giáo.

Thực hiện quản lí, đánh giá chuẩn nghề nghiệp đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo. Đánh giá, xếp loại viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

1.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lí (CBQL), thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để có đủ GV, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học. 100% giáo viên dạy học lớp 5 được bồi dưỡng các nội dung theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 5 cho năm học 2024-2025.

1.5. Rà soát, tham mưu đề xuất bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy  
học, lớp học phù hợp, thuận lợi và đáp ứng nhu cầu người học, tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quản lí, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng sĩ số học sinh vượt quá qui định; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo qui định của Luật Giáo dục 2019.

1.6. Chú trọng đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học, chuyển từ *“quản lí”* sang *“quản trị”* theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

1.7. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc đẩy mạnh thực hiện các nội dung của Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trong lĩnh vực giáo dục vào đào tạo; Kế hoạch phát triển giáo dục đến năm 2025; tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương; tiếp cận nội dung giáo dục STEM; thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ năm học.

1.8. Tăng cường an ninh, an toàn trường học; tích cực phòng, chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; phối hợp 03 môi trường giáo dục đảm bảo học sinh được học tập, rèn luyện trong môi trường an toàn, lành mạnh và thân thiện.

1.9. Thực hiện hiệu quả việc triển khai, tích hợp các chương trình, dự án đã tập huấn; trường học xanh, an toàn, thông minh, trường học hạnh phúc…

1.10. Xây dựng trường học thân thiện, có nề nếp - kĩ cương - đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tốt phẩm chất và năng lực. Thực hiện nghiêm chủ trương “Dạy thật - Học thật - Chất lượng thật”, nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục tại đơn vị.

**2. Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể**

**2.1. Mục tiêu cụ thể**

- Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì chất lượng giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác huy động học sinh đến trường, duy trì sĩ số học sinh, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ.

- Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống. Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục nhằm đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học.

- Tiếp tục thực hiện “Nói không với văn mẫu”. Dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà, đặc biệt chất lượng học sinh lớp 1.

- Tổ chức dạy học Tiếng Anh thời lượng 2 tiết/tuần cho học sinh lớp 1, 2 và 4 tiết/tuần cho học sinh khối lớp 3, 4, 5. Tổ chức dạy tin học theo chương trình của Bộ GDĐT cho học sinh lớp 3, 4, 5.

- Tăng cường các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo và giáo dục truyền thống qua các di tích lịch sử địa phương. Tổ chức rèn kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục truyền thông bên ngoài nhà trường ít nhất 02 lần/học sinh/năm học.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục về thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và chuẩn bị cho GV lớp 5. Bồi dưỡng năng lực tin học và ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên. Tạo điều thuận lợi để giáo viên học tập nâng cao trình độ sư phạm.

- Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và  
phương pháp, hình thức đánh giá học sinh tiểu học. Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học theo hướng phát huy  
tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên  
môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu  
học. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đẩy mạnh công tác truyền thông.

- Tổ chức hiệu quả dạy học STEM, tích hợp giáo duc nội dung giáo dục địa phương, ATGT, kỹ năng sống xanh, trường học Xanh - Sạch - Khỏe,… đảm bảo các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục và duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

**2.2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Huy động và duy trì HS ra lớp đạt 100%.

- Không có HS bỏ học.

- HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,6% trở lên.

- Hiệu quả đào tạo đạt từ 97% trở lên.

- Duy trì PCGD Tiểu học mức độ 3.

**2.2.1. Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực HS**

**+ Khối 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất/**  **năng lực** | **TSHS** | **Khối 1** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| Yêu nước | 77 | 73 | 94,80 | 4 | 5,20 | 0 | 0 | PC |
| Nhân ái | 77 | 73 | 94,80 | 4 | 5,20 | 0 | 0 | PC |
| Chăm chỉ | 77 | 72 | 93,50 | 5 | 6,50 | 0 | 0 | PC |
| Trung thực | 77 | 72 | 93,50 | 5 | 6,50 | 0 | 0 | PC |
| Trách nhiệm | 77 | 72 | 93,50 | 5 | 6,50 | 0 | 0 | PC |
| Tự chủ và tự học | 77 | 72 | 93,50 | 5 | 6,50 | 0 | 0 | NLC |
| Giao tiếp và hợp tác | 77 | 71 | 92,21 | 6 | 7,79 | 0 | 0 | NLC |
| GQVĐ và sáng tạo | 77 | 70 | 90,91 | 7 | 9,09 | 0 | 0 | NLC |
| Ngôn ngữ | 77 | 65 | 84,42 | 10 | 12,98 | 2 | 2,60 | NLĐT |
| Tính toán | 77 | 65 | 84,42 | 10 | 12,98 | 2 | 2,60 | NLĐT |
| Khoa học | 77 | 70 | 90,91 | 7 | 9,09 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thẩm mĩ | 77 | 70 | 90,91 | 7 | 9,09 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thể chất | 77 | 73 | 94,81 | 4 | 5,19 | 0 | 0 | PC |

**+ Khối 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất/**  **năng lực** | **TSHS** | **Khối 2** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| Yêu nước | 89 | 82 | 92,13 | 7 | 7,87 | 0 | 0 | PC |
| Nhân ái | 89 | 84 | 94,38 | 5 | 5,62 | 0 | 0 | PC |
| Chăm chỉ | 89 | 83 | 93,26 | 6 | 6,74 | 0 | 0 | PC |
| Trung thực | 89 | 83 | 93,26 | 6 | 6,74 | 0 | 0 | PC |
| Trách nhiệm | 89 | 82 | 92,13 | 7 | 7,87 | 0 | 0 | PC |
| Tự chủ và tự học | 89 | 84 | 94,38 | 5 | 5,62 | 0 | 0 | NLC |
| Giao tiếp và hợp tác | 89 | 82 | 92,13 | 7 | 7,87 | 0 | 0 | NLC |
| GQVĐ và sáng tạo | 89 | 83 | 93,26 | 6 | 6,741 | 0 | 0 | NLC |
| Ngôn ngữ | 89 | 78 | 87,64 | 10 | 11,24 | 1 | 1,12 | NLĐT |
| Tính toán | 89 | 78 | 87,64 | 10 | 11,24 | 1 | 1,12 | NLĐT |
| Khoa học | 89 | 82 | 92,13 | 7 | 7,87 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thẩm mĩ | 89 | 85 | 95,51 | 6 | 6,74 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thể chất | 89 | 82 | 92,13 | 7 | 7,87 | 0 | 0 | NLĐT |

**+ Khối 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất/**  **năng lực** | **TSHS** | **Khối 3** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| Yêu nước | 90 | 84 | 86,32 | 6 | 13,68 | 0 | 0 | PC |
| Nhân ái | 90 | 84 | 86,32 | 6 | 13,68 | 0 | 0 | PC |
| Chăm chỉ | 90 | 80 | 84,21 | 10 | 15,79 | 0 | 0 | PC |
| Trung thực | 90 | 78 | 90,53 | 12 | 9,47 | 0 | 0 | PC |
| Trách nhiệm | 90 | 75 | 94,74 | 15 | 5,26 | 0 | 0 | PC |
| Tự chủ và tự học | 90 | 78 | 82,11 | 12 | 17,89 | 0 | 0 | NLC |
| Giao tiếp và hợp tác | 90 | 78 | 87,37 | 12 | 12,63 | 0 | 0 | NLC |
| GQVĐ và sáng tạo | 90 | 75 | 85,26 | 15 | 14,74 | 0 | 0 | NLC |
| Ngôn ngữ | 90 | 72 | 75,79 | 16 | 18,95 | 2 | 5,26 | NLĐT |
| Tính toán | 90 | 74 | 78,95 | 14 | 15,79 | 2 | 5,26 | NLĐT |
| Khoa học | 90 | 80 | 78,95 | 10 | 15,79 | 0 | 5,26 | NLĐT |
| Công nghệ | 90 | 80 | 78,95 | 10 | 15,79 | 0 | 5,26 | NLĐT |
| Tin học | 90 | 75 | 78,95 | 13 | 15,79 | 2 | 5,26 | NLĐT |
| Thẩm mĩ | 90 | 74 | 77,89 | 16 | 22,11 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thể chất | 90 | 80 | 82,11 | 10 | 17,89 | 0 | 0 | NLĐT |

**+ Khối 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực/**  **Phẩm chất** | **TSHS** | **Khối 4** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| Yêu nước | 96 | 89 | 92,71 | 7 | 7,29 | 0 | 0 | PC |
| Nhân ái | 96 | 90 | 93,75 | 6 | 6,25 | 0 | 0 | PC |
| Chăm chỉ | 96 | 88 | 91,67 | 8 | 8,33 | 0 | 0 | PC |
| Trung thực | 96 | 90 | 93,75 | 6 | 6,25 | 0 | 0 | PC |
| Trách nhiệm | 96 | 89 | 92,71 | 7 | 7,29 | 0 | 0 | PC |
| Tự chủ và tự học | 96 | 91 | 94,79 | 5 | 5,21 | 0 | 0 | NLC |
| Giao tiếp và hợp tác | 96 | 89 | 92,71 | 7 | 7,29 | 0 | 0 | NLC |
| GQVĐ và sáng tạo | 96 | 90 | 93,75 | 6 | 6,25 | 0 | 0 | NLC |
| Ngôn ngữ | 96 | 83 | 86,46 | 12 | 12,5 | 1 | 1,04 | NLĐT |
| Tính toán | 96 | 85 | 88,54 | 10 | 10,42 | 1 | 1,04 | NLĐT |
| Khoa học | 96 | 77 | 78,95 | 16 | 15,79 | 3 | 5,26 | NLĐT |
| Công nghệ | 96 | 77 | 78,95 | 16 | 15,79 | 3 | 5,26 | NLĐT |
| Tin học | 96 | 77 | 78,95 | 16 | 15,79 | 3 | 5,26 | NLĐT |
| Thẩm mĩ | 96 | 88 | 91,67 | 8 | 8,33 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thể chất | 96 | 87 | 90,63 | 9 | 9,37 | 0 | 0 | NLĐT |

**+ Khối 5**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực/**  **Phẩm chất** | **TSHS** | **Khối 5** | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| Tự phục vụ, tự quản | 90 | 85 | 94,44 | 5 | 5,56 | 0 | 0 | NL |
| Hợp tác | 90 | 83 | 92,22 | 7 | 7,78 | 0 | 0 | NL |
| Tự học, GQVĐ | 90 | 80 | 88,89 | 10 | 11,11 | 0 | 0 | NL |
| Chăm học, chăm làm | 90 | 78 | 86,67 | 12 | 13,33 | 0 | 0 | PC |
| Tự tin, trách nhiệm | 90 | 80 | 88,89 | 10 | 11,11 | 0 | 0 | PC |
| Trung thực kỉ luật | 90 | 83 | 92,22 | 7 | 7,78 | 0 | 0 | PC |
| Đoàn kết, yêu thương | 90 | 85 | 94,44 | 5 | 5,56 | 0 | 0 | PC |

**2.2.2. Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

**+ Khối 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 1** | | | | | |
| **HT tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 77 | 40 | 51,95 | 35 | 45,45 | 2 | 2,60 |
| 2 | Toán | 77 | 43 | 55,84 | 32 | 41,56 | 2 | 2,60 |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | 77 | 40 | 51,95 | 37 | 48,05 | 0 | 0 |
| 4 | Tự nhiên và XH | 77 | 40 | 51,95 | 37 | 48,05 | 0 | 0 |
| 5 | GD thể chất | 77 | 55 | 71,43 | 22 | 28,57 | 0 | 0 |
| 6 | Âm nhạc | 77 | 60 | 77,92 | 17 | 22,08 | 0 | 0 |
| 7 | Mĩ thuật | 77 | 60 | 77,92 | 17 | 22,08 | 0 | 0 |
| 8 | HĐ trải nghiệm | 77 | 62 | 80,52 | 15 | 19,48 | 0 | 0 |
| 9 | Đạo đức | 77 | 60 | 77,92 | 17 | 22,08 | 0 | 0 |

**+ Khối 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 2** | | | | | |
| **HT tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 89 | 53 | 59,55 | 35 | 39,33 | 1 | 1,12 |
| 2 | Toán | 89 | 55 | 61,80 | 33 | 37,08 | 1 | 1,12 |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | 89 | 49 | 55,06 | 40 | 44,94 | 0 | 0 |
| 4 | Đạo đức | 89 | 74 | 83,15 | 15 | 16,85 | 0 | 0 |
| 5 | Tự nhiên và XH | 89 | 80 | 89,89 | 9 | 10,11 | 0 | 0 |
| 6 | GD thể chất | 89 | 80 | 89,89 | 9 | 10,11 | 0 | 0 |
| 7 | Âm nhạc | 89 | 78 | 87,64 | 11 | 12,36 | 0 | 0 |
| 8 | Mĩ thuật | 89 | 78 | 87,64 | 11 | 12,36 | 0 | 0 |
| 9 | HĐ trải nghiệm | 89 | 82 | 92,13 | 7 | 7,87 | 0 | 0 |

**+ Khối 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 3** | | | | | |
| **HT tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 90 | 50 | 55,56 | 40 | 44,44 | 0 | 0 |
| 2 | Toán | 90 | 51 | 56,67 | 39 | 43,33 | 0 | 0 |
| 3 | Tự nhiên và XH | 90 | 78 | 86,67 | 12 | 13,33 | 0 | 0 |
| 4 | Đạo đức | 90 | 80 | 88,89 | 10 | 11,11 | 0 | 0 |
| 5 | Công nghệ | 90 | 80 | 88,89 | 10 | 11,11 | 0 | 0 |
| 6 | Mĩ thuật | 90 | 75 | 83,33 | 15 | 16,67 | 0 | 0 |
| 7 | Âm nhạc | 90 | 75 | 83,33 | 15 | 16,67 | 0 | 0 |
| 8 | GD thể chất | 90 | 73 | 81,11 | 17 | 18,89 | 0 | 0 |
| 9 | Tiếng Anh | 90 | 41 | 45,56 | 49 | 54,44 | 0 | 0 |
| 10 | Tin học | 90 | 44 | 48,89 | 46 | 51,11 | 0 | 0 |
| 11 | HĐ trải nghiệm | 90 | 77 | 85,56 | 13 | 14,44 | 0 | 0 |

**+ Khối 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 4** | | | | | |
| **HT tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 96 | 53 | 55,21 | 43 | 44,79 | 0 | 0 |
| 2 | Toán | 96 | 56 | 58,33 | 40 | 41,67 | 0 | 0 |
| 3 | Khoa học | 96 | 64 | 66,67 | 32 | 33,33 | 0 | 0 |
| 4 | Lịch sử - Địa lí | 96 | 69 | 71,88 | 27 | 28,12 | 0 | 0 |
| 5 | Đạo đức | 96 | 84 | 87,5 | 12 | 12,5 | 0 | 0 |
| 6 | Công nghệ | 96 | 77 | 80,21 | 19 | 19,80 | 0 | 0 |
| 7 | Mĩ thuật | 96 | 85 | 88,54 | 11 | 11,46 | 0 | 0 |
| 8 | Âm nhạc | 96 | 81 | 84,38 | 15 | 15,62 | 0 | 0 |
| 9 | GD thể chất | 96 | 77 | 80,21 | 19 | 19,79 | 0 | 0 |
| 10 | Tiếng Anh | 96 | 44 | 45,83 | 52 | 54,17 | 0 | 0 |
| 11 | Tin học | 96 | 49 | 51,04 | 47 | 48,96 | 0 | 0 |
| 12 | HĐ trải nghiệm | 96 | 76 | 79,17 | 20 | 20,83 | 0 | 0 |

**+ Khối 5**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 5** | | | | | |
| **HT tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 90 | 39 | 43,33 | 51 | 56,67 | 0 | 0 |
| 2 | Toán | 90 | 42 | 46,67 | 48 | 53,33 | 0 | 0 |
| 3 | Khoa học | 90 | 72 | 80 | 18 | 20 | 0 | 0 |
| 4 | Lịch sử - Địa lí | 90 | 70 | 77,78 | 20 | 22,22 | 0 | 0 |
| 5 | Đạo đức | 90 | 80 | 88,89 | 10 | 11,11 | 0 | 0 |
| 6 | Kĩ thuật | 90 | 78 | 86,67 | 12 | 13,33 | 0 | 0 |
| 7 | Mĩ thuật | 90 | 71 | 78,89 | 19 | 21,11 | 0 | 0 |
| 8 | Âm nhạc | 90 | 71 | 78,89 | 19 | 21,11 | 0 | 0 |
| 9 | Thể dục | 90 | 68 | 75,56 | 22 | 24,44 | 0 | 0 |
| 10 | Anh văn | 90 | 35 | 38,89 | 55 | 61,11 | 0 | 0 |
| 11 | Tin học | 90 | 38 | 42,22 | 52 | 57,78 | 0 | 0 |

**2.2.3. Chỉ tiêu về kết quả giáo dục**

**+ Khối 1, khối 2, khối 3 và khối 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối/**  **Lớp** | **TSHS** | **Kết quả giáo dục khối 1, khối 2, khối 3 và khối 4** | | | | | | | |
| **HT xuất sắc** | | **HT tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Một | 77 | 27 | 35,06 | 26 | 33,77 | 22 | 28,57 | 2 | 2,60 |
| 2 | Hai | 89 | 34 | 38,20 | 28 | 31,46 | 26 | 29,21 | 1 | 1,12 |
| 3 | Ba | 90 | 30 | 33,34 | 30 | 33,33 | 30 | 33,33 | 0 | 0 |
| 4 | Bốn | 96 | 30 | 31,25 | 33 | 34,38 | 33 | 34,37 | 0 | 0 |
| **Tổng** | | **352** | **121** | **34,38** | **117** | **33,24** | **111** | **31,53** | **3** | **0,85** |

**+ Khối 5**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối/**  **Lớp** | **TSHS** | **Kết quả giáo dục khối 5** | | | | | |
| **HT tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa HT** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Năm | 90 | 50 | 55,56 | 40 | 44,44 | 0 | 0 |
| **Tổng** | | **90** | **50** | **55,56** | **40** | **44,44** | **0** | **0** |

**2.2.4. Công tác hoạt động phòng trào nhà trường :**

**a) Chỉ tiêu về các phong trào hội thi:**

Tổ chức và tham gia đầy đủ các phong trào hội thi các cấp đạt hiệu quả, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hội thi** | **Giải Nhất** | | **Giải Nhì** | | **Giải Ba** | | **Giải KK** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Hùng biện tiếng Anh |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | Giao lưu học sinh TH |  |  | 1 |  | 1 |  | 2 |  |
| 3 | Sáng tạo TTNNĐ |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| 4 | Thể thao |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| 5 | Vẽ tranh |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| 6 | An toàn giao thông |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| 7 | Tin học trẻ |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 8 | Văn nghệ thiếu nhi |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  |
| 9 | Hội thi lồng đèn |  |  |  |  | 1 |  |  |  |
| 10 | Tổng phụ trách Đội giỏi | 1 |  |  |  |  |  |  |  |

**b) Chỉ tiêu về đội ngũ:**

+ 100% cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được phân loại, đánh giá viên chức từ mức hoàn thành trở lên, không có cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có 60% được đánh giá mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ 100% cán bộ quản lí, giáo viên có trình độ đạt chuẩn.

+ 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn theo Luật Giáo dục được áp dụng từ ngày 01/7/2020, trong đó 90% giáo viên có chứng chỉ tin học.

+ 100% giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ.

+ 100% cán bộ quản lí, nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, trong đó có 80% đạt từ khá trở lên.

+ 100% giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*\* Danh hiệu thi đua:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Danh hiệu** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| Lao động tiên tiến | 38 | 100 |
| Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở | 6 | 15,79 |
| Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh | 0 |  |
| Bằng khen của tỉnh | 2 | 5,26 |
| Bằng khen Thủ tướng | 1 | 2,6 |

*\* Đánh giá, phân loại viên chức*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại CB-GV** | **Xuất sắc** | | **Tốt** | | **HT** | | **Không HT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 2,6 | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | P. Hiệu trưởng |  |  | 1 | 2,6 |  |  |  |  |
| 3 | Giáo viên | 6 | 15,79 | 27 | 71,05 |  |  |  |  |
| 4 | Nhân viên | 1 | 2,6 | 3 | 7,9 |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | **7** | **18,42** | **31** | **81,58** |  |  |  |  |

***Ngoài ra:***

+ Duy trì đạt chuẩn Phổ cập GDTH-ĐĐT mức độ 3.

+ Duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ.

+ Vận động đạt 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.

+ Có tin bài được đăng trên website của Sở GD, Phòng GD: 02 bài.

c) **Công tác huy động và duy trì học sinh:**

+ Tỷ lệ huy động HS lớp 1 đạt 100%.

+ Tỷ lệ huy động HS toàn cấp đạt 100%.

d) **Công tác Đảng, đoàn thể; Đơn vị văn hóa; Đơn vị an toàn về ANTT:**

+ Chi bộ xếp loại cuối năm 2023 đạt: Chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Công đoàn xếp loại năm học 2023-2024: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Chi đoàn xếp loại cuối năm 2023 đạt: Chi đoàn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Liên Đội trường đạt “Vững mạnh” trở lên.

+ Trường đạt danh hiệu “Đơn vị văn hóa”.

+ Trường đạt “Đơn vị an toàn về an ninh, trật tự”.

+ Thực hiện chỉ thị 05/CT-TW theo đánh giá xếp loại của Phòng: đạt Tốt.

e) **Tham gia bảo hiểm y tế:**

+ Tỷ lệ HS có thẻ BHYT: đạt 100%.

+ Tỉ lệ học sinh có Thẻ BHYT so với năm học trước: ≥ năm học trước.

**f) Công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:** Duy trì kết quả đạt chuẩn PCGDTH.

**g) Quản lý thiết bị, thư viện; Ứng dụng CNTT; CCHC:**

+ Quản lý, sử dụng thiết bị dạy học theo đánh giá của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

+ Quản lý, sử dụng thư viện theo đánh giá của Phòng GDĐT.

+ Quản lý, sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện công tác cải cách hành chính trong quản lý, dạy học theo đánh giá của Phòng GDĐT.

**h)** **Chấp hành pháp luật; quy định của ngành:**

+ Không có CB, GV, NLĐ bị xử phạt vi phạm pháp luật, vi phạm hành chính bị cơ quan chức năng gửi thông báo về đơn vị.

+ Không có CB, GV, NLĐ bị xử lý kỷ luật từ “Cảnh cáo” trở lên về công chức, viên chức và đảng viên.

+ Không xảy ra các vụ việc phức tạp xảy ra tại đơn vị; không có tai nạn thương tích xảy ra với HS; không mất đoàn kết nội bộ; Thực hiện phân công, phân nhiệm không đúng quy định, phù hợp thực tế; Không phát sinh thưa kiện, khiếu nại, tố cáo kéo dài.

+ Không có giáo viên, nhân viên nhà trường vi phạm về dạy thêm, học thêm.

+ Không làm lộ, lọt bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

+ Không xảy ra bạo lực học đường.

+ Tổ chức triển khai đầy đủ nội dung văn bản của Phòng GDĐT; Báo cáo đúng thời gian quy định và số liệu phải chính xác.

**i)** **Công tác tài chính:**

+ Không xảy ra sai phạm về lĩnh vực tài chính, tài sản qua đánh giá và kết luận của cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra.

+ Không xảy ra tình trạng lạm thu theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**k)** **Thi đua, khen thưởng:**

+Thực hiện hồ sơ đăng ký thi đua, xét thi đua và đề nghị khen thưởng: Đúng quy định.

+ Thực hiện hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của Phòng: Đúng quy định.

**IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

*(Phụ lục 1.1 kèm theo)*

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

*2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học*

*(Phụ lục 1.2 kèm theo)*

*2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học*

*(Phụ lục 1.3 kèm theo)*

**3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường**

- Phân công đồng chí Phan Đức Tuấn, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn các điểm. Phó Hiệu trưởng phụ trách tham mưu cho Hiệu trưởng và phối hợp với giáo viên chủ động, linh hoạt tổ chức thực hiện đạt hiệu quả Kế hoạch giáo dục của nhà trường theo điều kiện hiện có và nhu cầu thực tế của học sinh. Đảm bảo thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học theo kế hoạch chung của nhà trường. Tận dụng tối đa điều kiện hiện có của nhà trường tổ chức các hoạt động củng cố, tăng cường và phát triển giáo dục theo quy định của nhà trường. Các hoạt động giáo dục tập thể phải phù hợp với nhu cầu của học sinh, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất của các em và đảm bảo an toàn đối với các em.

**4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND-HC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp:

**4.1. Ngày tựu trường và khai giảng năm học**

***a) Tựu trường***

- Học sinh lớp 1 tựu trường ngày 21 tháng 8 năm 2023.

- Học sinh các lớp 2,3,4,5 tựu trường ngày 28 tháng 8 năm 2023.

***b) Tổ chức hoạt động “Sinh hoạt học đường”:*** Từ ngày 29 đến ngày 31  
tháng 8 năm 2023 *(có văn bản hướng dẫn riêng)*.

***c) Khai giảng năm học:***  tổ chức khai giảng năm học lúc 07 giờ 30 phút, thứ Ba, ngày 05 tháng 9 năm 2023.

**4.2. Ngày bắt đầu và kết thúc các học kỳ**

***a) Học kỳ I:*** Bắt đầu từ ngày 05 tháng 9 năm 2023, kết thúc trước ngày 15  
tháng 01 năm 2024 *(gồm, thời gian thực học, kiểm tra định kỳ cuối học kỳ và tổ  
chức các hoạt động giáo dục khác)*.

***b) Học kỳ II:*** Bắt đầu từ sau khi kết thúc học kỳ I, kết thúc trước ngày 25  
tháng 5 năm 2024 *(gồm, thời gian thực học, kiểm tra định kỳ cuối năm học và tổ  
chức các hoạt động giáo dục khác)*.

***c) Kết thúc năm học:*** Trước ngày 31 tháng 5 năm 2024.

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 20 tháng 6 năm 2024.

- Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn…).

- Thực hiện Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020-2021:

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp tổ: thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học (2 tuần/lần).

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp trường: ít nhất 1 lần/tháng.

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp cụm trường: ít nhất 1 lần/học kì.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có…)

**\* Tại Trường Tiểu học Bình Phú thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học của các khối lớp 1, 2, 3, 4, 5.

*(Phụ lục 1.4 kèm theo)*

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục các khối lớp

**- Đối với khối lớp 1** *(Phụ lục 2.1)*

**- Đối với khối lớp 2***(Phụ lục 2.2)*

**- Đối với khối lớp 3***(Phụ lục 4.3)*

**- Đối với khối lớp 4***(Phụ lục 2.4)*

**- Đối với khối lớp 5***(Phụ lục 2.5)*

**V. Giải pháp thực hiện**

***1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì chất lượng giáo dục***

Chuẩn bị tốt các phương án đảm bảo an toàn, phòng ngừa tình hình dịch bệnh trên cơ sở hướng dẫn của ngành Y tế và ngành Giáo dục; nâng cao ý thức, trách nhiệm và tăng cường các biện pháp phòng chống dịch cho học sinh, phụ huynh, giáo viên, cán bộ quản lí trong trường học; duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lí.

Chủ động chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lí học sinh phòng trường hợp xảy ra dịch bệnh tại địa phương, nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học vừa qua để thực hiện hiệu quả, đảm bảo duy trì mục tiêu chất lượng giáo dục.

***2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông***

- Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5.

- Tiếp tục thực hiện 2 buổi/ ngày theo các công văn:

Công văn số 1069/SGDĐT-STC ngày 16/8/2019 của Sở GDĐT, Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện về đối tượng, cơ chế thu, quản lý học phí và hỗ trợ chi phí học tập; dạy 02 buổi/ngày, ngoại ngữ tăng cường, tổ chức bán trú và giữ trẻ tại cơ sở giáo dục từ năm học 2019 - 2020;

Công văn số 03/SGDĐT-TTr ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dạy học 2 buổi/ngày và dạy thêm, học thêm trong nhà trường;

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp; Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục tích hợp, giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo qui định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

***3.*** ***Đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí; tăng cường tổ chức hội nghị, họp giao ban, tập huấn qua mạng trực tuyến một cách hiệu quả; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh bằng thư điện tử nhằm thu thập và quản lí thông tin kịp thời, thông suốt giữa các cấp quản lí; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, đánh giá học sinh tiểu học; sử dụng sổ điểm điện tử; sử dụng các hệ thống thông tin quản lí, thống kê, báo cáo theo quy định của Bộ GDĐT.

***4. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá học sinh tiểu học***

*4.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; đẩy mạnh giáo dục STEM và STEAM trong giáo dục tiểu học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hằng ngày.

*4.2. Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá học sinh tiểu học*

Đối với học sinh lớp 5 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006, tiếp tục được đánh giá theo qui định tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT về qui định đánh giá học sinh tiểu học (Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, được đánh giá theo qui định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT.

Nguyên tắc đánh giá học sinh: Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lí kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh chưa hoàn thành; bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng, yêu cầu cần đạt mà lên lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng qui định; tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kì cho các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kì đối với môn Tiếng Anh, môn Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT từ năm học 2022 - 2023.

Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập, theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học và Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này.

*4.3. Tiếp tục thực hiện “Nói không với văn mẫu”*

Trong quá trình quản lí, chỉ đạo, điều hành, dạy học; cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên cần quan tâm phát huy khả năng sáng tạo của học sinh, không áp đặt rập khuôn. Đối với phân môn Tập làm văn (môn Tiếng Việt), các trường tiểu học tuyệt đối không dạy học sinh theo khuôn mẫu, máy móc dẫn đến các em thiếu tư duy, không rèn được cho các em kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Quan tâm nghiên cứu tìm nguyên nhân của việc dạy văn mẫu và có giải pháp để khắc phục triệt để việc này.

***5. Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018***

***a) Dạy học môn Tiếng Anh***

- Đối với lớp 1 và lớp 2: Triển khai Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018 và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh (Công văn số 296/SGDĐT-GDTH ngày 18/3/2020 của Sở GDĐT; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 26/02/2019 của UBND Tỉnh về việc thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2019-2025). Khi triển khai thực hiện cần chú ý đến các yếu tố: sự tự nguyện tham gia học của HS, chất lượng đạt chuẩn của đội ngũ tham gia giảng dạy; thực hiện kiểm tra đánh giá theo quy định; đảm bảo tính chất làm quen của CT; tạo hứng thú, sự yêu thích môn học và không gây quá tải cho HS;…

- Đối với khối lớp 3 và lớp 4: Trường tổ chức dạy học môn Tiếng Anh 4 tiết/tuần bắt buộc theo quy định của Bộ, Sở GDĐT.

- Đối với HS lớp 5: Tiếp tục triển khai Chương trình Tiếng Anh tự chọn theo CTGDPT 2006 và Chương trình thí điểm tiếng Anh cấp tiểu học theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình thí điểm tiếng Anh tiểu học. Tăng cường tổ chức dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho HS lớp 5, khi thực hiện cần có những giải pháp tiếp cận Chương trình môn Tiếng Anh theo CTGDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp để tạo tâm thế sẵn sàng cho HS học lên lớp 6 theo chương trình mới.

Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT, cụ thể: đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 lựa chọn SGK theo danh mục CTGDPT đã được UBND Tỉnh ban hành tại Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 sử dụng tại các CSGD phổ thông trong năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; đối với lớp 5 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27 tháng 6 năm 2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT.

Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kì cần đánh giá đủ cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

Thực hiện xã hội hóa trong dạy học tiếng Anh để tăng cường thời lượng học tiếng Anh; dạy học tiếng Anh tăng cường với người nước ngoài; học tiếng Anh qua môn Toán, môn Khoa học và các hoạt động trải nghiệm; tạo các sân chơi, giao lưu tiếng Anh; phát động phong trào GV các môn học khác cùng tham gia cùng học tiếng Anh với HS theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

***b) Dạy học môn Tin học***

Tiếp tục thực hiện tổ chức dạy học môn Tin học, tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học từ năm học 2019-2020 và CTGDPT. Có giải pháp phù hợp để HS lớp 5 được học môn Tin học tự chọn theo CTGDPT 2006, khi thực hiện cần có những giải pháp tiếp cận chương trình môn Tin học trong CTGDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi, tâm thế sẵn sàng cho HS lên lớp 6 học môn Tin học theo CTGDPT 2018.

Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục môn học và đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GV Tin học; tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học.

Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục tin học, hoạt động giáo dục STEM, STEAM tiếp cận công nghệ số nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù Tin học, Khoa học, Công nghệ cho HS.

***6. Tiếp cận chương giáo dục STEM***

Chủ động tiếp cận phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM/STEAM theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và khả năng đáp ứng của đơn vị trong CTGDPT 2018 theo Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.

***7. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm;******xây dựng, phát triển thư viện trường tiểu học đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh***

Tăng cường thực hiện tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục  
ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của  
Bộ GDĐT; thực hiện nội dung giáo dục địa phương, tích hợp vào dạy học các  
môn học, hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn tại Công văn số 3536/BGDDTGDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ GDĐT. Tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục kĩ năng tài chính cá nhân.

Tổ chức giáo dục học sinh nhận biết công việc, nghề nghiệp, việc làm của  
cha mẹ, người thân, các nghề truyền thống ở địa phương và một số nghề nghiệp  
cơ bản; giáo dục học sinh hình thành các kĩ năng nhận thức, quản lí, khám phá  
bản thân, quản lí tài chính, kĩ năng giao tiếp được hướng dẫn tại Thông tư số  
07/2022/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về  
qui định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các  
cơ sở giáo dục. Khuyến khích các trường tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số  
3866/BGDĐT-GDTH ngày 26 tháng 8 năm 2019. Phát huy, nhân rộng những mô hình hay, sáng tạo theo phương châm “Học sinh đất Sen Hồng hướng tới tự tin, tự lực, biết phản biện, gắn kết thực tiễn, định hướng tương lai”, cụ thể: Giáo dục kĩ năng An toàn nơi công cộng; Nói không với bạo lực học đường; Ngày hội khéo tay kĩ thuật; Hoạt động giáo dục gắn liền với thực tế của các trường tiểu học; Tổ chức được nhiều câu lạc bộ trong trường học; Tăng cường nhiều hoạt động trải nghiệm trong nhà trường: Sân khấu hoá trong tiết sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, “Em làm hướng dẫn viên du lịch”; Hội chợ chia sẻ đồ dùng đồ chơi ở trường; Các hoạt động trải nghiệm về công tác hướng nghiệp trong tương lai tại khu vui chơi; Nhà vệ sinh thân thiện; Nhà nông tí hon; Nói không với rác thải nhựa;...

Tăng cường công tác truyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học, thực hiện giảng dạy, giáo dục an toàn giao thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và văn hóa giao thông vào trong chương trình chính khóa dưới hình thức tích hợp vào nội dung một số môn học và hoạt động giáo dục.

Thực hiện tốt công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; dành thời lượng phù hợp cho tiết đọc thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí và tổ chức hoạt động thư viện.

***8. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018***

Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục địa phương theo hướng dẫn  
của Bộ GDĐT tại Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019; trong đó, thực hiện tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học  
các môn học, hoạt động trải nghiệm theo qui định của Chương trình giáo dục  
phổ thông 2018; Công văn số 1328/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 15 tháng 10  
năm 2018 của Sở GDĐT. Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3036/BGDĐTGDTH ngày 20 tháng 7 năm 2021 với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

***9. Giáo dục học sinh hòa nhập***

Thực hiện dạy học trẻ khuyết tật học hòa nhập (01 học sinh) theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 về thực hiện Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Công văn số 143/SGDĐT-GDTH ngày 01 tháng 2 năm 2018 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật kể từ năm học 2017-2018; Kế hoạch số 74/KH-SGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2030 và các văn bản có liên quan.

Bảo đảm các điều kiện để 01 học sinh khuyết tật được hòa nhập với bạn bè; tăng cường công tác tuyên truyền đội ngũ giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Tạo điều kiện để giáo viên có học sinh khuyết tật được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn về giảng dạy và giáo dục trẻ khuyết tật. Tham mưu với chính quyền địa phương thẩm định, xác nhận khuyết tật cho học sinh. Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ lang thang cơ nhỡ trong địa bàn (nếu có), nhà trường sẽ phối hợp với các ban ngành đoàn thể ở địa phương hỗ trợ, giúp đỡ để các em được hòa nhập vào môi trường giáo dục. Tuyên truyền, giáo dục học sinh tình yêu thương, chia sẻ, trách nhiệm, không kì thị xa lánh bạn bè. Khuyến khích các lớp xây dựng quỹ vì bạn nghèo (nuôi heo đất), góc chia sẻ yêu thương để sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bạn trong học tập.

***10. Tích hợp nội dung văn hóa nhà trường***

Thực hiện hiệu quả việc tích hợp văn hóa nhà trường và xây dựng bộ quy tắc ứng xử theo Quyết định 1299/QĐ-TTg 2018 của Thủ tướng Chính phủ ngày 03 tháng 10 năm 2018, Quyết định phê duyệt đề án “xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” và Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục Mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Quyết định số 1631/QĐ-UBND-HC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của UBND Tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên tích hợp vào kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch bài dạy, kế hoạch cá nhân một cách linh hoạt hiệu quả.

***10. Thực hiện hiệu quả việc triển khai, tích hợp các chương trình, dự án đã tập huấn; trường học xanh, an toàn, thông minh, trường học hạnh phúc…***

Tổ chức hiệu quả việc triển khai, tích hợp đầy đủ các nội dung chương trình, dự án đã tập huấn; trường học xanh, an toàn, thông minh, trường học hạnh phúc…

***11. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng học đảm bảo điều kiện dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục trong năm học cụ thể: nâng cấp mặt sân và hệ thống thoát nước sân trường, đề nghị đầu tư cơ sở vật chất xây dựng thư viện tiên tiến.

- Rà soát, sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học từng khối lớp, bổ sung các đầu sách cần thiết cho thư viện, trang bị thêm các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nâng cao tay nghề của GV.

- Trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất, đồ dùng thiết yếu (nước sát khuẩn, xà phòng,…) phục vụ công tác phòng dịch và sơ cấp cứu ban đầu tại đơn vị.

- Phân công các lớp học phụ trách khu vực trồng rau và chăm sóc cây xanh, hoa kiểng, mảng xanh thân thiện.

- Nhà trường tranh thủ tối đa các nguồn đóng góp, ủng hộ tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường.

***12. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp,…)***

- Đảm bảo đội ngũ GV, NV đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đáp ứng các vị trí việc làm trong đơn vị.

- Phân công nhiệm vụ phù hợp tâm tư nguyện vọng, tay nghề của từng GV, chú trọng lựa chọn những giáo viên được tập huấn chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, có năng lực, tay nghề vững vàng phân công dạy lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4.

- Tiếp tục bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để GV, NV, CBQL nâng cao trình độ đào tạo, lý luận chính trị, nâng cao chất lượng chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ.

- Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ GV, NV và CBQL đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ.

***13. Thực hiện quy chế, đổi mới công tác sinh hoạt chuyên môn***

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc nền nếp, kỹ cương, quy chế chuyên môn trong đơn vị.

- Đẩy mạnh tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài dạy theo Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 - 2021, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn, kịp thời hỗ trợ và tháo gỡ những khó khăn của GV trong giảng dạy đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT.

- CBQL, GV tích cực tham gia các lớp tập huấn chuyên môn đầy đủ, nghiêm túc, vận dụng những nội dung được tập huấn vào công tác quản lý, giảng dạy đạt hiệu quả. Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đúng quy định, nâng cao được năng lực quản lý, giảng dạy của CBQL và GV.

- Phát huy vai trò chủ động, linh hoạt, sáng tạo của đội ngũ CBQL, GV, NV trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục: EMIS, cơ sở dữ liệu, sổ liên lạc điện tử, họp trực tuyến, tập huấn trực tuyến, dạy học trực tuyến, bài giảng điện tử, kỹ thuật soi bài, nhóm Zalo chung trao đổi công việc,…

- Tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, đảm bảo mọi chế độ chính sách, động viên khen thưởng kịp thời đối với GV, NV và CBQL.

***14. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường và ban nhân dân các khóm***

Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường và ban nhân dân các khóm để thực hiện có hiệu quả công tác huy động HS ra lớp, duy trì sĩ số học sinh. Tổ chức các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

***15. Tổ chức kiểm tra, giám sát***

Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát chặt chẽ các hoạt động theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường, trong đó tập trung vào các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

***16. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục***

Lãnh đạo nhà trường, đội ngũ giáo viên chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của ngành, nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học nhất là việc chuẩn bị các điều kiện thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 4 năm học 2023-2024 để khích lệ các thầy cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chỉ số PAPI; chuyển đổi số trong giáo dục, thường xuyên đôn đốc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lí thực hiện tốt các vấn đề liên quan đến việc phục vụ học sinh, cha mẹ học sinh.

***17. Thực hiện hiệu quả kiểm định chất lượng và trường đạt chuẩn quốc gia***

Chỉ đạo các bộ phận, các tổ chuyên môn thực hiện theo kế hoạch của hiệu trưởng về việc tự đánh giá, kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2023 - 2025.

Quán triệt đến tất cả cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh của trường về chủ trương xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của huyện cũng như của ngành.

Tham mưu với UBND xã, thực hiện phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể và địa phương, tạo sự hưởng ứng nhiệt tình của các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường về việc đóng góp xây dựng trường chuẩn quốc gia.

***18. Công tác khác***

***18.1. Công tác phổ cập giáo dục, duy trì sĩ số***

- Tiếp tục có biện pháp phối  hợp với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt việc huy động học sinh vào lớp 1 và duy trì tốt sĩ số học sinh trong độ tuổi ra lớp. Rà soát kịp thời ngay từ đầu năm các trường hợp chưa ra lớp để kết hợp các đoàn thể trong việc vận động học sinh ra lớp đảm bảo chỉ tiêu; không để học sinh nào trong địa bàn chưa ra lớp trong năm học này. Giữ vững và nâng cao chất lượng PCGDTH-XMC,  hạn chế thấp nhất số học sinh lưu ban sau kiểm tra bổ sung; duy trì và nâng cao hiệu suất đào tạo. Duy trì đạt chuẩn phổ cập mức 3.

***18.2. Công tác phối hợp với các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường***

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi hội khuyến học trong nhà trường, Ban đại diện CMHS chăm lo xây dựng nhà trường lớn mạnh. Xây dựng phong trào Đội vững mạnh. Tổ chức thực hiện tốt chương trình rèn luyện đội viên. Củng cố và phát triển phong trào sinh hoạt sao Nhi đồng.

- Tiếp tục thực hiện phong trào nuôi heo đất gây quỹ khuyến học. Mỗi năm học mỗi lớp nuôi ít nhất 1 con heo đất. Tổ chức mổ heo sơ kết, tổng kết, sử dụng hiệu quả nguồn quỹ nuôi heo đất.

- Tổ chức đại hội ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đến trường. Đảm bảo Ban đại diện hoạt động có hiệu quả tốt. Tổ chức họp lệ phụ huynh định kỳ 3 lần/năm.

- Phối hợp với các tổ chức xã hội, các đoàn thể ấp, xã cùng chăm lo xây dựng nhà trường. Tranh thủ mọi sự hỗ trợ của Chi bộ, Đảng ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.

***18.3. Công tác tham gia các loại hình bảo hiểm***

Tuyên truyền vận động học sinh, CMHS tham gia tốt các loại hình bảo hiểm. Coi đây là nhiệm vụ cần thiết và mang lại hiệu quả.

**VI. Tổ chức thực hiện**

**1. Phân công nhiệm vụ**

**1.1. Hiệu trưởng**

Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục của đơn vị; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Phân công GV chủ nhiệm lớp, GV phụ trách môn học, các bộ phận có liên quan thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ về chuyên môn và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ trong đơn vị.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở các tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**1.2. Phó Hiệu trưởng**

Triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Xây dựng thời khóa biểu các lớp phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, đảm bảo dạy học không quá 7 tiết/ngày, 9-10 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng HS năng khiếu, kèm cặp HS còn khó khăn trong học tập, hỗ trợ HS khuyết tật học hòa nhập; kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động đúng theo Điều lệ trường tiểu học và Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 - 2021. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo, thao – hội giảng cấp trường theo quy chế chuyên môn.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở các tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**1.3. Tổ trưởng chuyên môn**

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của tổ, chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo thướng nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp dạy học, lựa chọn nội dung dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Tổ chức các tiết thao giảng, dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy trong tổ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ.

Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kết quả kèm cặp HS còn khó khăn trong học tập, HS khuyết tật học hòa nhập trong tổ; kịp thời hỗ trợ GV trong công tác bồi dưỡng, kèm cặp và giúp đỡ HS.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục và các hoạt động của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

**1.4. Tổng phụ trách Đội**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm được phân công phụ trách theo Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Phối hợp với GV chủ nhiệm, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

**1.5. Giáo viên chủ nhiệm**

Thực hiện tốt công tác giảng dạy và giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh đúng quy chế chuyên môn nhà trường.

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn theo quy định.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục lớp mình phụ trách.

Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, của trường. Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS. Tìm tòi, nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các nội dung chuyên môn được tập huấn, bồi dưỡng vào quá trình dạy học. Thực hiện ứng dung công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và hồ sơ sổ sách cá nhân.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

**1.6. Giáo viên phụ trách môn học**

Thực hiện tốt công tác giảng dạy và giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học môn học mình phụ trách; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh đúng quy chế chuyên môn nhà trường.

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do mình phụ trách; tham gia các hoạt động chuyên môn theo quy định.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục môn học mình phụ trách.

Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, của trường. Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS. Tìm tòi, nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các nội dung chuyên môn được tập huấn, bồi dưỡng vào quá trình dạy học. Thực hiện ứng dung công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và hồ sơ sổ sách cá nhân.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

**1.7. Nhân viên**

**1.7.1. Nhân viên thư viện - thiết bị**

**a) Thư viện**

Tổ chức các hoạt động của thư viện theo quy định.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, đồng thời góp phần triển khai Kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả.

Phối hợp với GV chủ nhiệm, GV phụ trách môn học triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường có liên quan đến thư viên, thiết bị.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về mua sắm, bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao hơn.

**b) Thiết bị**

Tổ chức các hoạt động của thiết bị theo quy định.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thiết bị, đồng thời góp phần triển khai Kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả.

Phối hợp với GV chủ nhiệm, GV phụ trách môn học triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường có liên quan đến thiết bị.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về kế hoạch tổ chức tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về mua sắm, bổ sung, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao hơn.

**1.7.2. Nhân viên Văn thư**

**-** Giữ con dấu theo phân công; cập nhật, lưu công văn đi, đến theo quy định (sổ sách, trên máy vi tính); sắp xếp công văn khoa học, ngăn nắp dễ tìm; cập nhật hồ sơ đầy đủ, chính xác; Bảo quản tốt các loại hồ sơ của nhà trường; lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Nghị định số: 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 Về công tác văn thư.

- Xây dựng kế hoạch tổ văn phòng thực hiện trong năm đạt hiệu quả.

- Cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ các yêu cầu của từng loại công văn theo qui định.

- Kiểm tra công tác Văn thư theo qui định.

- Theo dõi các công văn đến, mail hoặc in sao gửi đến các bộ phận thực hiện. Đóng dấu công văn đi, đến và tổng hợp thành quyển để kiểm tra dễ dàng.

- Nhân viên phụ trách Văn thư phải chịu trách nhiệm về con dấu; hồ sơ đi, đến.

- 100% công văn đến được giải quyết và báo cáo kịp thời đến các bộ phận.

- Công tác văn thư hàng năm đạt tốt.

- Lưu trữ hồ sơ đúng quy định.

**1.7.3. Nhân viên Y tế học đường - Thủ quỹ**

- Tuyên truyền, vận động học sinh tham gia BHYT, BHTN.

- Đăng ký khám sức khỏe ban đầu cho học sinh.

- Tổ chức sinh hoạt cho các em những hiểu biết cơ bản về các bệnh học đường như cận thị, cong vẹo cột sống, béo phì,…các bệnh hay lây: đau mắt, quai bị, Rubella, Bệnh tay, chân, miệng; sốt xuất huyết; tuyên truyền về HIV/AIDS. Tìm hiểu và phòng ngừa dịch bệnh Covid 19.

- Thành lập ban sức khoẻ trong trường học.

- Xây dựng tủ thuốc sơ cấp cứu cho học sinh 2 điểm.

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, căn tin (có biên bản cụ thể cho các lần kiểm tra).

- Nhân viên bán căn tin ở đơn vị đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, có giấy khám sức khỏe định kỳ (CB Y tế kiểm tra).

- Sinh hoạt cho học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh chung cũng như vệ sinh cá nhân.

- Kết hợp với bộ phận kế toán nhà trường trong việc sử dụng và quyết toán kinh phí bảo hiểm y tế để lại cho nhà trường có hiệu quả và kịp thời.

- Trang phục đúng quy định khi thực hiện công việc.

-Tổ chức khám sức khỏe cho học sinh theo định kỳ.

**1.7.4. Nhân viên Kế toán**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Xây dựng dự toán kinh phí, quyết toán theo đúng chế độ qui định, chính xác. Kế toán cùng Hội đồng nâng lương xét nâng lương thường xuyên và trước niên hạn đúng qui định.

- Báo cáo tăng, giảm biên chế nhân sự theo qui định về BHXH huyện hàng tháng. Cập nhật sổ sách, chứng từ thu, chi đúng quy định. Lập kế hoạch chi tiêu nội bộ năm 2024.

- Hướng dẫn, nhắc nhở các bộ phận thực hiện quyết toán đúng thời gian.

- Báo cáo công khai tài chính hàng tháng, định kỳ hàng quý; thực hiện tốt 3 công khai.

- Tham gia kiểm kê tài sản, cập nhật, báo cáo tăng giảm tài sản theo quy định.

- Báo cáo chính xác, đúng mẫu, kịp thời.

**1.7.5. Nhân viên bảo vệ, Nhân viên tạp vụ**

Thực hiện theo các nội dung ghi trong hợp đồng và nội quy nhà trường.

**2. Công tác kiểm tra**

Thực hiện đầy đủ các loại hình kiểm tra nội bộ như kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; kiểm tra chuyên đề; kiểm tra hoạt động của các Tổ chuyên môn, các bộ phận.

Qua kiểm tra nội bộ đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ những ưu, khuyết điểm của giáo viên để kịp thời động viên, nhắc nhở, xử lý, khắc phục, giúp giáo viên nhận ra từng điểm mạnh, điểm yếu của mình để tăng cường hoạt động tự kiểm tra, tự bồi dưỡng một cách hiệu quả và thiết thực.

Việc tổ chức kiểm tranội bộphải đúng quy trình,đảm bảo tính công khai, dân chủ, chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời, không trùng lặp, không làm cản trở hoạt động bình thường của bộ phận, cá nhân được kiểm tra và phải thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra.

**3. Chế độ báo cáo**

Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của trên Website của trường.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất cho Phòng Giáo dục - Đào tạo Tân Hồng.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 của Trường Tiểu học Bình Phú. Đề nghị CB-GV-NV có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng theo kế hoạch của nhà trường đã đề ra./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT Tân Hồng (thay báo cáo);  - Đảng ủy, UBND xã (thay báo cáo);  - CB-GV-NV (thực hiện);  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Đào Quốc Tuấn** |